TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày: 17/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc mua bán tài sản (lúa)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Gái;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Trần Phương Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 371/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc mua lúa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 42A/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trịnh Hoàng A (Tên gọi khác C), sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số B tổ H, ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số A, tổ C, ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số A, tổ C, ấp B, xã B, huyện

H, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số B, tổ H, ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trịnh Hoàng A trình bày:*

Nguyên trước đây ông và anh C1 là chỗ làm ăn quen biết, anh C1 có mối quan hệ rộng với nhiều chủ đất và nắm rõ địa bàn nơi có nhiều ruộng lúa đang canh tác. Nên đã giới thiệu ông ký kết thành công nhiều hợp đồng mua lúa trước với chủ đất.

Ngày 09/06/2022, anh C1 có đưa cho ông một Giấy chứng minh dân nhân số 370713754, cấp ngày 11/09/2014, nơi cấp Công an K mang tên Nguyễn Hồng N sinh năm 1979. Hiện ngụ tại ấp H - H - K - Kiên Giang. Số điện thoại: 0376.414.285 và nói chị N kêu bán 300 công lúa lá, sau khi trao đổi với anh C1, ông có đồng ý mua số lúa đó và hỏi ông C1 là chị N đâu. Anh C1 nói đó là nhỏ em gái có gì, anh C1 chịu trách nhiệm. Vì quá tin tưởng nhiều năm mua bán với anh C1, nên ông đã viết hợp đồng mua bán lúa mang tên Nguyễn Hồng N có anh Nguyễn Văn C1 ký vào hợp đồng và ký thay chị Nguyễn Hồng N, vì chị N đang bận việc, nên nhờ anh C1 ký thay.

Sau khi ký hợp đồng xong, ông đã đưa số tiền cọc 300 công lúa là 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* cho anh C1. Trong nội dung hợp đồng có nêu rõ, trước ngày thu hoạch khoảng một tuần, phía chị N và anh C1 báo trước cho ông biết, để ông đi thăm ruộng và định ngày cắt lúa. Trường hợp, chị N không bán lúa cho ông, vì bất cứ nguyên do gì, thì chị N phải hoàn trả lại số tiền cọc là 150.000.000 đồng, cũng với số tiền bồi thường 120.000 đồng/công x với 300 công là 36.000.000 đồng, kể từ thời điểm hai bên ký hợp đồng.

Ông có điện thoại hỏi anh C1, nhưng anh C1 nói lúa chưa tới ngày cắt được. Ông có điện thoại cho chị N, thì cũng nói giống như vậy. Sau nhiều lần điện thoại, ông có nghi ngờ và chạy xuống địa chỉ của chị N thì được biết, lúa đã được cắt xong từ lâu.

Ông có điện thoại cho chị N hỏi số tiền mà ông đã bỏ cọc và tiền chênh lệch giá 300 công. Nhưng chị N nói chờ đáo hạn Ngân hàng rồi rút ra sẽ trả cho ông. Sau khi chị N hứa nhiều lần, ông có xuống thì chị N nói - hợp đồng chị N không

ký, nên không biết và ông điện thoại cho anh C1, thì không liên lạc được và hoàn toàn lẫn tránh gặp ông.

Nhận thấy hành vi của anh C1 làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông, gây rất nhiều khó khăn đến kinh tế gia đình. Vì vậy, ông yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc một mình anh Nguyễn Văn C1 số tiền 150.000.000 đồng và 36.000.000 tiền chênh lệch giá của 300 công lúa là và tính lãi cho ông với mức lãi suất là 1,2% trên tổng số tiền đó đã nói ở trên từ ngày 09/10/2022 cho đến ngày được Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên B và Đ để thông báo tìm kiếm anh Nguyễn Văn C1, chị Nguyễn Thị H vắng mặt nơi cư trú. Đến hết thời hạn thì tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh C1, chị H đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C1, chị H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Việc anh C1 có Giấy chứng minh nhân của chị để đưa cho ông Hoàng A làm hợp đồng mua bán lúa tươi - lúa lá ngày 10/6/2022, thì chị không biết lý do tại sao anh C1 lại có.

Chị không biết ông Trịnh Hoàng A, chưa từng gặp mặt ông Hoàng A lần nào, chị không có nhận tiền của ông Hoàng A, nên chị không có liên quan với việc đặt cọc mua lúa giữa ông Hoàng A với anh C1. Do đó, đề nghị Toà án không đưa chị tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Toà án nhân dân các cấp.

Tại phiên tòa, ông Trịnh Hoàng A yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc một mình anh Nguyễn Văn C1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền 150.000.000 đồng, tiền chênh lệch giá của 300 công lúa là 36.000.000 đồng. Đồng thời, ông rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,2% trên tổng số tiền 186.000.000 đồng từ ngày 09/10/2022 cho đến ngày được Tòa án giải quyết xong vụ án. Ông không thống nhất cho anh C1 trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ, ông yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn C1 trình bày: Anh thừa nhận có nhận của ông Trịnh Hoàng A số tiền đặt cọc mua lúa là 150.000.000 đồng. Do anh không thực hiện đúng hợp đồng thoả thuận, nên đồng ý bồi thường 120.000 đồng/công x với 300 công là 36.000.000 đồng, nên tổng cộng là 186.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của anh khó khăn, nên anh xin ông Hoàng A cho anh trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn C1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc tống đạt văn bản tố tụng cho anh C1, chị H; nhưng anh C1, chị H không có văn bản trình bày ý kiến và chị H vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Văn C1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trịnh Hoàng A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà HĐXX nhận định vụ án này như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Trịnh Hoàng A yêu cầu một mình anh Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ phải số tiền đặt cọc và tiền chênh lệch do vi phạm hợp đồng đặt cọc mua lúa. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc mua bán tài sản (lúa), bị đơn anh Nguyễn Văn C1 có nơi thường trú tại tổ C, ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hồng N, bà Hoàng Thị N1 có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Ông Trịnh Hoàng A yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc một mình anh Nguyễn Văn C1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền 150.000.000 đồng, tiền chênh lệch giá của 300 công lúa là 36.000.000 đồng. Tổng cộng là 186.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Hoàng A, HĐXX thấy rằng:

Vào ngày 10/6/2022, ông Trịnh Hoàng A có thỏa thuận và nhận mua 300 công đất lúa của chị Nguyễn Hồng N, nhưng người trực tiếp thỏa thuận, ký tên vào hợp đồng và nhận tiền là anh Nguyễn Văn C1. Việc này được thể hiện tại *"Hợp đồng mua bán lúa tươi - lúa lá ngày 10/6/2022"* - (BL 05). Sau khi ký hợp đồng, ông Hoàng A đã liên lạc nhiều lần để hỏi về thời gian cắt lúa, nhưng sau nhiều lần điện thoại, ông Hoàng A có nghi ngờ và chạy xuống địa chỉ của chị N thì được biết, lúa đã được cắt xong từ lâu.

Tòa án đã làm việc với chị Nguyễn Hồng N, thì chị N trình bày là không biết ông Trịnh Hoàng A, chưa từng gặp mặt ông Hoàng A lần nào, chị không có nhận tiền của ông Hoàng A, nên chị không có liên quan với việc đặt cọc mua lúa giữa ông Hoàng A với anh C1. Tại phiên họp hòa giải ngày 22/3/2024, có mặt chị N, nhưng người mà ông Hoàng A gặp trước đây, không phải là chị N đang có mặt tại phiên họp. Do vậy, có thể khẳng định việc chị Nguyễn Hồng N, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang không phải là người mà ông Hoàng A cho rằng đã từng gặp và giao dịch. Do vậy, chị N không có nghĩa vụ gì trong vụ án này.

Đối với anh Nguyễn Văn C1, chị Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên B và Đ để thông báo tìm kiếm anh Nguyễn Văn C1, chị Nguyễn Thị H vắng mặt nơi cư trú. Đến hết thời hạn thì tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh C1, chị H đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C1, chị H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, anh C1, chị H cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đến Tòa án để

trình bày quan điểm phản đối đối với "*Hợp đồng mua bán lúa tươi - lúa lá ngày 10/6/2022*" và yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng A.

Tại phiên toà, anh C1 có mặt, thừa nhận có nhận của ông Trịnh Hoàng A số tiền đặt cọc mua lúa là 150.000.000 đồng. Do anh không thực hiện đúng hợp đồng thoả thuận, nên đồng ý bồi thường 120.000 đồng/công x với 300 công là 36.000.000 đồng, nên tổng cộng là 186.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của anh khó khăn, nên anh xin ông Hoàng A cho anh trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Do đó, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng A.

[3.3] Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn C1 về việc xin ông Trịnh Hoàng A cho anh trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ, vì hoàn cảnh của anh hiện nay quá khó khăn. Tuy nhiên, ông Hoàng A không đồng ý và yêu cầu anh C1 phải trả lại một lần số tiền nợ. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ T hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của anh C1. Tuy nhiên, nếu anh C1 thật sự có khó khăn về kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Buộc anh Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trịnh Hoàng A, bà Hoàng Thị N1 tổng số tiền 136.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hoàng A do rút yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,2% trên tổng số tiền 186.000.000 đồng từ ngày 09/10/2022 cho đến ngày được Tòa án giải quyết xong vụ án.

[4] *Về chi phí tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn C1 là người cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Hoàng A, nên là chủ thể tạo ra hoàn cảnh, điều kiện phải thực hiện tống đạt bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó, phải gánh chịu hậu quả pháp lý, khi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Hoàng A được HĐXX chấp nhận.

Chi phí đăng Báo Công lý 1.50.000 đồng theo Hoá đơn giá trị gia tăng số 00000194 ngày 29/02/2024 và Chi phí đăng Đài tiếng nói Việt Nam 1.500.000 đồng theo Hoá đơn giá trị gia tăng số 53 ngày 01/02/2024. Tổng cộng là 3.000.000

đồng, nguyên đơn ông Trịnh Hoàng A tạm ứng và đã nộp xong. Do vậy, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn C1 phải hoàn trả lại cho ông Trịnh Hoàng A 3.000.000 đồng.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn C1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 186.000.000 đồng phải trả cho vợ chồng ông Trịnh Hoàng A là 9.300.000 đồng.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Trịnh Hoàng A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trịnh Hoàng A, bà Nguyễn Thị N2 với tổng số tiền 186.000.000đ *(Một trăm tám mươi sáu triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hoàng A do rút yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,2% trên tổng số tiền 186.000.000 đồng từ ngày 09/10/2022 cho đến ngày được Tòa án giải quyết xong vụ án.

3. Chi phí tố tụng khác: Buộc anh Nguyễn Văn C1 phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C1 chi phí đăng B và Đ với số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Văn C1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 9.300.000đ *(Chín triệu ba trăm nghìn đồng)*.

- Hoàn trả cho ông Trịnh Hoàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.650.000đ *(Ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004029 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Nguyễn Thanh H1